

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/DS-ST  
Ngày: 30 - 11 - 2021  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Đoàn Thanh Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Địa chỉ: Số 169 L Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Dương Quyết Thắng. Chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Quang T. Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Kiên Giang (Theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019, có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp R, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hồ Văn L, sinh năm 1983 (chồng bà N). Địa chỉ: Ấp R, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 04/9/2016, bà Lê Thị N được Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H (sau đây gọi tắt là NHCSXH) duyệt cho vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), với lãi suất vay 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, số tiền gốc trả mỗi lần 10.000.000 đồng, kỳ hạn trả nợ cuối cùng là ngày 04/9/2019, mục đích vay vốn buôn bán theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Tính đến ngày 06/5/2021, khoản vay đã nợ quá hạn, trong đó số tiền gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi 10.329.345 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 40.329.345 đồng.

Sau nhiều lần NHCSXH thông báo và mời lên làm việc nhưng bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, NHCSXH khởi kiện yêu cầu bà N và ông Hồ Văn L (chồng bà N) là người ký ủy quyền cho bà N vay vốn ngân hàng phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/5/2021 là 40.329.345 đồng (Bốn mươi triệu ba trăm hai mươi chín ngàn ba trăm bốn mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản vay trên.

*Bị đơn bà Lê Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng ông bà không có ý kiến trình bày tại Tòa.*

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của NHCSXH vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tính đến ngày xét xử 30/11/2022, tổng số tiền gốc và lãi bà N và ông L còn nợ ngân hàng là 42.464.196 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn một trăm chín mươi sáu đồng), trong đó nợ tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 12.464.196 đồng.

*Kiểm sát viên - đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát tại phiên tòa phát biểu:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, vụ án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, do đó cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NHCSXH về việc buộc vợ chồng bà N và ông L phải có nghĩa vụ liên đới trả trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/11/2021 là 42.464.196 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản vay trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam là tổ chức tín dụng ký kết hợp đồng cho Lê Thị N vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) với mục đích hỗ trợ vốn buôn bán cho hộ gia đình theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, các bên ký kết hợp đồng không vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận nên căn cứ quy định tại khoản 3,

Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: NHCSXH khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị N và ông Hồ Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay ngân hàng, bị đơn bà N có nơi cư trú tại ấp R, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên căn cứ theo quy định điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N và ông L vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và sổ lưu từ rời theo dõi cho vay-thu nợ- dư nợ thì NHCSXH đã chấp thuận ký hợp đồng tín dụng và giải ngân cho bà N số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), với lãi suất vay 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, số tiền gốc trả mỗi lần 10.000.000 đồng, kỳ hạn trả nợ cuối cùng là ngày 04/9/2019, mục đích vay vốn buôn bán theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Tính đến ngày 06/5/2021, khoản vay đã nợ quá hạn, trong đó số tiền gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi 10.329.345 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 40.329.345 đồng. Xét thấy hợp đồng tín dụng nêu trên là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 468 Bộ luật Dân sự, do đó hợp đồng tín dụng ký kết giữa NHCSXH và bà Lê Thị N có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Tính đến ngày xét xử, bị đơn bà N chưa trả được nợ gốc, mới trả được một phần tiền lãi là 2.450.408 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Mặc dù khi đến hạn trả nợ, NHCSXH đã nhắc nhở bà N và ông L nhiều lần, nhưng ông bà vẫn không thanh toán, xét thấy bên vay đã vi phạm nghĩa vụ không trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, do đó căn cứ vào các quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NHCSXH về việc buộc bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc tính đến ngày xét xử là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 12.464.196 đồng, cộng tiền gốc và lãi là 42.464.196 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi tư ngàn một trăm chín mươi sáu đồng).

Đối với ông Hồ Văn L là người ký ủy quyền cho bà N vay vốn tại NHCSXH, xét thấy khoản vay này nhằm mục đích hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của hộ gia đình, nên căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, ông L là chồng của bà N phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà N trả cho NHCSXH số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/11/2021 là 42.464.196 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản vay trên.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 11 và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, NHCSXH không phải chịu án phí; bà N và ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các 91, 95, điểm a, khoản 3, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 466 và 470 Bộ luật Dân sự; khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm c, khoản 1, Điều 11 và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam về việc buộc bà Lê Thị N và ông Hồ Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H số tiền gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), tiền lãi 12.464.196 đồng (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn một trăm chín mươi sáu đồng), cộng tiền gốc và lãi là 42.464.196 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn một trăm chín mươi sáu đồng).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà N, ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà N, ông L vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà N, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.123.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi ba ngàn đồng).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn bà Lê Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**